TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM TÂN,** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23 /2018/DS-ST
Ngày 31 - 8 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Tình;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hữu Ái;

2. Ông Phan Quang Sơn;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Phú, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Trâm;

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2018/TLST-DS ngày 06 thang 3 năm 2018, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số /2018/QĐST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2018/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Thôn T.H, xã S.P, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn:

- Ông Trần Văn T, sinh năm: 1975;

- Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1980.

Cùng địa chỉ: Thôn T.Q, xã S.P, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 01 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày: Ngày 20 tháng 4 năm 2014, vợ, chồng ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T có vay của bà H số tiền là 63.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 năm. Sau đó, bà T chỉ trả 25.000.000 đồng, còn lại 38.000.000 đồng chưa trả. Các bên có lập giấy

mượn tiền đề ngày 20/4/2014, tuy nhiên bà H thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền không phải chữ ký của ông T.

Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T phải trả cho bà H số tiền là 38.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án,bị đơn là bà Trần Thị Kim T trình bày: Bà T có mượn của bà H số tiền là 63.000.000 đồng theo giấy mượn tiền lập ngày 20/4/2014, trong thời gian qua bà T đã trả phần lớn khoản nợ nay chỉ còn lại 38.000.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của bà H. Bà T vay tiền để sửa lại nhà để làm nơi buôn bán tạp hóa vào năm 2013 để phục vụ cho cuộc sống của gia đình, sau khi sửa nhà xong thì bị nợ nần nên tôi mượn tiền của bà H để trả cho chủ nợ đã cho mượn tiền sửa nhà. Chồng bà T là ông T biết việc tôi vay tiền của bà H.

Bà T thừa nhận chữ ký của ông T trong giấy mượn tiền là do bà T tự ký vào, khi lập giấy viết tay (vào ngày 20/4/2014) thì ông T không hề hay biết có giấy tay này nhưng vẫn biết là có nợ bà H số tiền trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Văn T trình bày: Việc vay, mượn tiền giữa bà T và bà H, ông T không biết và không biết bà T dùng số tiền này vào mục đích gì, ông T xác định chữ ký đề tên ông T trong giấy mượn tiền lập ngày 20/4/2014 mà bà H cung cấp cho Tòa án không phải là chữ ký của ông T. Do vậy, ông T không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm;

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ căn cứ để xác định việc vay, mượn tiền là giữa bà H và bà T, còn ông T không hề hay biết. Mặc dù, thời điểm vay tiền ông T và bà T còn trong quan hệ hôn nhân nhưng ông T không ủy quyền cho bà T thực hiện việc vay, mượn tiền và bà Tuyển, bà H không chứng minh được bà Tuyển dùng số tiền vay, mượn này để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình. Chính vì vây, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Kim T phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 38.000.000đ. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện

kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Kim T và ông Trần Văn T phải trả số tiền 38.000.000 đồng do ông T và bà T vay của bà H nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T có nơi cư trú tại thôn Tân Quang, xã Sông Phan, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Trần Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T phải trả cho bà số tiền là 38.000.000 đồng, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà H cung cấp giấy mượn tiền lập ngày 20 tháng 4 năm 2014. Tuy nhiên, bà H và bà T thừa nhận chữ ký trong giấy mượn tiền đề tên ông T không phải là chứ ký của ông T. Bà T xác định chữ ký đó là do bà tự ký.

Bà Nguyễn Thị Kim T thừa nhận còn nợ bà T số tiền 38.000.000 đồng, còn ông T cho rằng việc vay, mượn tiền là do một mình bà T vay, mượn và bà T dùng số tiền vay, mượn được để thực hiện vào mục đích gì thì ông không biết. Bà H cũng thừa nhận bà H không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh ông T có liên quan đến số tiền mà bà yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải lập ngày 17 tháng 4 năm 2018, bà T cam kết sẽ cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc mượn tiền của mình là phục vụ chung cho cuộc sống của gia đình nhưng không cung cấp, không đến Tòa án tham gia phiên tòa xét xử vụ án.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018, Công an xã Sông Phan cung cấp thông tin về nơi cư trú của bà Nguyễn Thị Kim T đã xác định bà T là công dân có đăng ký thường trú tại thôn Tân Quang, xã Sông Phan, huyện Hàm Tân nhưng đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, hiện Công an xã Sông Phan không xác định được nơi cư trú mới của bà T.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, bà H và bà T không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh ông T có liên quan đến số tiền vay này nên không có cơ sở để buộc ông T phải liên đới trả nợ.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xác định có đủ cơ sở để buộc bà Nguyễn Thị Kim T phải trả toàn bộ số tiền 38.000.000 đồng cho bà H. Trường hợp, bà T thu thập được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh rằng ông T có liên

quan hoặc nguồn tiền này được sử dụng để phục vụ cho nhu cầu thiết yêu của gia đình thì bà T có thể khởi kiện ra Tòa án để được giải quyết.

Về án phí, các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005; Điều 357, 463, 466, 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim T phải trả số tiền là 38.000.000 đồng (*Ba mươi tám triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật *(đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án)* hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án)* cho đến khi thi hành xong, bên có nghĩa vụ chậm trả thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ưng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất như sau:

Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không vượt quá 20%/năm.

Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất 10%/năm.

Theo quy định khác của pháp luật *(nếu có)*.

2. Án phí:

- Bà Trần Thị Kim T phải chịu 1.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền 950.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân theo Biên lai thu số 0016640 ngày 05/3/2018.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hàm Tân;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Hữu Tình